

Số: 45/QĐ-BQLKKT

Kon Tum, ngày 14 tháng 4 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành lần 4 và áp dụng hệ thống tài liệu nội bộ trong hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động hành chính của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum

### TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR),

### QUYẾT ĐỊNH :

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Danh mục Tài liệu nội bộ thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 áp dụng tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Giao Ban điều hành xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai áp dụng và theo dõi, giám sát, kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu quy định.

Các phòng, đơn vị và công chức, viên chức của BQL Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo các quy trình xử lý công việc đã được phê duyệt.



**Điều 3.** Ban điều hành xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; Trưởng các phòng, đơn vị và công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 160/QĐ-BQLKKT ngày 12/8/2013 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở KHCN tỉnh;
- Trưởng ban, các Phó TB;
- Lưu: VT, VP, Ban ISO.

**TRƯỞNG BAN**



**Phạm Thanh Hà**





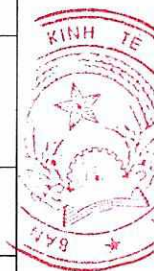
**DANH MỤC TÀI LIỆU NỘI BỘ**  
**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TCVN ISO 9001:2008**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 45/QĐ-BQLKKT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc ban hành áp dụng Hệ thống tài liệu nội bộ trong HT QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động hành chính của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum)

TT	Tên tài liệu	Mã số	Điều khoản TCVN ISO 9001:2008
1	Sổ tay chất lượng	STCL	4.2.2
2	Chính sách chất lượng	CSCL	5.3
3	Mục tiêu chất lượng năm 2017 của Ban và các phòng	MTCL	5.4.1
4	Mô tả vị trí công việc của Ban Lãnh đạo Ban	MTCV 01	5.5
5	Mô tả vị trí công việc của Văn phòng	MTCV 02	
6	Mô tả vị trí công việc của Phòng Kế hoạch tổng hợp	MTCV 03	
7	Mô tả vị trí công việc của Phòng Quản lý doanh nghiệp	MTCV 04	
8	Mô tả vị trí công việc của Phòng Quản lý đầu tư	MTCV 05	
9	Mô tả vị trí công việc của Phòng Quản lý QHXD	MTCV 06	
10	Mô tả vị trí công việc của Phòng Quản lý TNMT	MTCV 07	
11	Quy trình kiểm soát tài liệu	QT 01	4.2.3
12	Quy trình kiểm soát hồ sơ	QT 02	4.2.4
13	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT 03	8.2.2
14	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT 04	8.3
15	Quy trình hành động khắc phục	QT 05	8.4
16	Quy trình hành động phòng ngừa	QT 06	8.5.2
17	Quy trình phân tích dữ liệu	QT 07	8.5.3
18	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT 08	5.6
19	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT 09	4.2.3
20	Quy trình giao dịch theo cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa liên thông”	QT 10	7.2
21	Quy trình Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT 11	7.5.1
22	Quy trình Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT 12	7.5.1
23	Quy trình Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT 13	7.5.1
24	Quy trình Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu	QT 14	7.5.1



	tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
25	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	QT 15	7.5.1
26	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và đã có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.	QT 16	7.5.1
27	Quy trình Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT 17	7.5.1
28	Quy trình Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	QT 18	7.5.1
29	Quy trình Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	QT 19	7.5.1
30	Quy trình Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	QT 20	7.5.1
31	Quy trình Chuyển nhượng dự án đầu tư	QT 21	7.5.1
32	Quy trình Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	QT 22	7.5.1
33	Quy trình Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	QT 23	7.5.1
34	Quy trình Cấp lại, Hiệu đính thông tin, Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	QT 24	7.5.1
35	Quy trình Giãn tiến độ đầu tư	QT 25	7.5.1
36	Quy trình Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	QT 26	7.5.1
37	Quy trình Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	QT 27	7.5.1
38	Quy trình Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT 28	7.5.1
39	Quy trình Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	QT 29	7.5.1
40	Quy trình Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	QT 30	7.5.1
40	Quy trình Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	QT 31	7.5.1
42	Quy trình Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	QT 32	7.5.1
43	Quy trình Quy trình Cấp Giấy phép xây dựng mới (đối với công trình không theo tuyến).	QT 33	7.5.1
44	Quy trình Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án.	QT 34	7.5.1
45	Quy trình Cấp Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp	QT 35	7.5.1





	<i>sửa chữa, cải tạo công trình).</i>		
46	Quy trình Cấp Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp di dời công trình).	QT 36	7.5.1
47	Quy trình Điều chỉnh Giấy phép xây dựng.	QT 37	7.5.1
48	Quy trình Gia hạn Giấy phép xây dựng.	QT 38	7.5.1
49	Quy trình Cấp lại Giấy phép xây dựng.	QT 39	7.5.1
50	Quy trình Giao đất, cho thuê đất (không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh).	QT 40	7.5.1
51	Quy trình Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (áp dụng trường hợp ủy quyền theo khoản 4, Điều 32-Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).	QT 41	7.5.1
52	Quy trình Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường (áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 4, Điều 32-Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).	QT 42	7.5.1
53	Quy trình Đăng ký xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản(áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 1, Điều 12-Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường).	QT 43	7.5.1
54	Quy trình Đăng ký xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản(áp dụng đối với trường hợp ủy quyền theo khoản 2, Điều 12-Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường).	QT 44	7.5.1
55	Quy trình Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.	QT 45	7.5.1
56	Quy trình Tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể của các danh nghiệp trong khu công nghiệp.	QT 46	7.5.1
57	Quy trình Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động làm việc ở nước ngoài thời hạn dưới 90 ngày.	QT 47	7.5.1
58	Quy trình Cấp Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.	QT 48	7.5.1
59	Quy trình Cấp lại Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.	QT 49	7.5.1
60	Quy trình Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động trong Khu kinh tế tỉnh Kon Tum.	QT 50	7.5.1
61	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa – Mẫu D.	QT 51	7.5.1
62	Quy trình Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	QT 52	7.5.1



63	Quy trình Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	QT 53	7.5.1
64	Quy trình Cấp lại Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT 54	7.5.1
65	Quy trình Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT 55	7.5.1

